

CTCP TÀU CAO TỐC
SUPERDONG – KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Ngày 25 tháng 03 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG
Mã chứng khoán : SKG
Địa chỉ trụ sở chính : số 10, đường 30/4, KP 2, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang
Điện thoại : 0297 3 980 111
Fax : 0297 3 846 180
Người thực hiện công bố thông tin: HÀ NGUYỆT NHI
Địa chỉ : Số 610 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Tp.HCM
Điện thoại (cơ quan): 028 38 666 333
Fax : 028 38 688 373
Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang công bố Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 và giải trình. Chi tiết vui lòng xem tài liệu đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (Mục quan hệ cổ đông) vào ngày 25/03/2022 tại đường dẫn <http://www.superdong.com.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật



HÀ NGUYỆT NHI

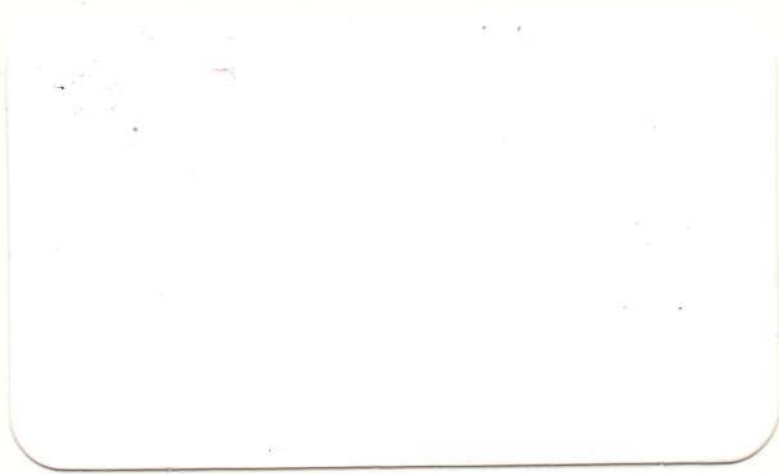


Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 34

489
NG
VHH
1 TO
IET
H
70
C
C
U C
DE
EN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700556108 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2007 và thay đổi gần đây nhất là lần thứ 21 ngày 27 tháng 10 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 633.317.350.000 VND, tương đương 63.331.735 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/ cổ phần. Cổ phần của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SKG.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại : 0297 3980111
- Fax : 0297 3846180

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ phần là:

- Vận tải hành khách ven biển;
- Vận tải hàng hóa ven biển;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Kinh doanh khai thác cảng biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Đóng tàu và cấu kiện nổi. Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Kinh doanh khai thác cảng thủy nội địa.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Puan Kwong Siing	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên
Ông Tăng Siêu Tâm	Thành viên
Bà La Xuân Đào	Thành viên
Ông Phan Hồng Phúc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Puan Kwong Siing	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng Giám Đốc

Ủy ban Kiểm toán

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phan Hồng Phúc	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Puan Kwong Siing	Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Kim Hồng chức vụ Phó Tổng Giám đốc đã được ủy quyền ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo giấy ủy quyền ngày 05/02/2021.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ KIM HỒNG
Phó Tổng Giám đốc
Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2022



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International
Số: 137/2022/BCKT-HCM.01263

PKF
Accountants &
business advisers

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 24 tháng 03 năm 2021.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2022

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		286.900.621.436	311.138.913.906
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.191.903.226	14.585.818.590
Tiền	111		8.191.903.226	9.585.818.590
Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		113.959.532.789	164.787.313.181
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	113.959.532.789	164.787.313.181
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		126.161.097.194	92.368.620.306
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		169.224.740	345.070.400
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	98.772.681.278	63.175.191.602
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	27.219.191.176	28.848.358.304
Hàng tồn kho	140	5.5	27.998.691.108	28.036.457.244
Hàng tồn kho	141		27.998.691.108	28.036.457.244
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.589.397.119	11.360.704.585
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	3.332.429.957	4.382.535.588
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.731.286.042	3.470.974.345
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	3.525.681.120	3.507.194.652
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		524.631.987.779	573.816.867.093
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.297.000.000	4.483.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	3.297.000.000	4.483.000.000
Tài sản cố định	220		491.911.886.364	528.615.334.706
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	484.134.394.024	520.580.768.086
Nguyên giá	222		812.079.903.093	796.533.116.002
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(327.945.509.069)	(275.952.347.916)
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	7.777.492.340	8.034.566.620
Nguyên giá	228		9.874.532.581	9.874.532.581
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.097.040.241)	(1.839.965.961)
Tài sản dở dang dài hạn	240		985.478.713	13.863.937.713
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	985.478.713	13.863.937.713
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.000.000.000	14.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	20.000.000.000	14.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		8.437.622.702	12.854.594.674
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	8.437.622.702	12.854.594.674
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		811.532.609.215	884.955.780.999

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG


Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		10.527.484.652	13.745.386.343
Nợ ngắn hạn	310		10.527.484.652	13.745.386.343
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	3.594.206.641	2.800.520.589
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.343.349.001	1.551.264.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	52.582.782	1.203.935.243
Phải trả người lao động	314		5.000.183.446	6.375.092.131
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	537.162.782	1.814.574.380
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		801.005.124.563	871.210.394.656
Vốn chủ sở hữu	410	5.13	801.005.124.563	871.210.394.656
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		633.317.350.000	633.317.350.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		633.317.350.000	633.317.350.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		11.469.923.636	11.469.923.636
Quỹ đầu tư phát triển	418		6.825.309.715	6.825.309.715
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.000.000.000	2.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		147.392.541.212	217.597.811.305
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		185.931.943.805	194.889.226.896
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(38.539.402.593)	22.708.584.409
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		811.532.609.215	884.955.780.999


LÂM THỊ NGỌC THƯƠNG
 Người lập biểu


BÙI THỊ HỒNG ĐÀO
 Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ KIM HỒNG
 Phó Tổng Giám đốc
 Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG


Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		167.159.108.888	304.339.465.322
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	167.159.108.888	304.339.465.322
Giá vốn hàng bán	11	6.2	179.548.185.160	237.977.545.996
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(12.389.076.272)	66.361.919.326
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	8.112.927.956	10.885.185.621
Chi phí tài chính	22		1.649.612	34.121.633
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.4	25.320.826.434	38.354.600.206
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	10.122.475.601	15.015.008.614
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(39.721.099.963)	23.843.374.494
Thu nhập khác	31	6.6	1.181.807.248	1.314.826.060
Chi phí khác	32		109.878	267.938.566
Lợi nhuận khác	40		1.181.697.370	1.046.887.494
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(38.539.402.593)	24.890.261.988
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5,11	-	2.181.677.579
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(38.539.402.593)	22.708.584.409
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	(609)	359


LÂM THỊ NGỌC THƯƠNG
 Người lập biểu


BÙI THỊ HỒNG ĐÀO
 Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ KIM HỒNG
 Phó Tổng Giám đốc
 Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(theo phương pháp gián tiếp)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	(38.539.402.593)	24.890.261.988
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	52.342.829.749	52.118.751.073
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập) (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	-	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	04	1.649.612	589.971
Chi phí lãi vay	05	(8.112.877.263)	(10.877.368.821)
Các khoản điều chỉnh khác	06	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	07	5.692.199.505	66.132.234.211
(Tăng), giảm các khoản phải thu	08	1.407.419.316	7.220.599.440
(Tăng), giảm hàng tồn kho	09	37.766.136	(3.517.724.822)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10	(3.990.490.420)	(4.151.185.471)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	11	5.374.483.287	3.850.775.364
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	12	-	-
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	17	8.521.377.824	69.534.698.722
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	18	(38.387.138.736)	(25.682.676.435)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	19	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	20	(141.047.532.789)	(187.129.890.920)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	21	185.875.313.181	202.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	22	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	24	10.310.582.894	12.288.018.639
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	25	16.751.224.550	1.475.451.284
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	26	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	27	-	-
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	28	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	29	(31.664.668.126)	(63.329.336.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	30	(31.664.668.126)	(63.329.336.250)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	31	(6.392.065.752)	7.680.813.756
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	32	14.585.818.590	6.905.040.805
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	33	8.191.903.226	14.585.818.644


LÂM THỊ NGỌC THƯƠNG
 Người lập biểu


BÙI THỊ HỒNG ĐÀO
 Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ KIM HỒNG
 Phó Tổng Giám đốc
 Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/4, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700556108 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2007 và thay đổi gần đây nhất là lần thứ 21 ngày 27 tháng 10 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 633.317.350.000 VND, tương đương 63.331.735 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/ cổ phần. Cổ phần của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SKG.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại : 0297 3980111
- Fax : 0297 3846180

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là:

- Vận tải hành khách ven biển;
- Vận tải hàng hóa ven biển;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Kinh doanh khai thác cảng biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Đóng tàu và cấu kiện nổi. Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Kinh doanh khai thác cảng thủy nội địa.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/4, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

1.5 Cấu trúc của Công ty**Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

Tên đơn vị	Mã số chi nhánh	Địa chỉ
1/ Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang - Chi nhánh Sóc Trăng	1700556108-004	Thửa đất số 102,103,104 Tờ bản đồ số 47, Ấp Đầu Giồng, Thị Trấn Trần Đề, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
2/ Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang - Chi nhánh Côn Đảo	1700556108-005	Đường Trần Phú, Khu 6, Thị Trấn Côn Đảo, Huyện Côn Đảo, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
3/ Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang - Chi nhánh Phú Quý	1700556108-006	11 Ngô Quyền, Thôn Triều Dương, Xã Tam Thanh, Huyện Phú Quý, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
4/ Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Chi nhánh Nam Du	1700556108-008	Số 02 Ấp Củ Tron, Xã An Sơn, Huyện Kiên Hải, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
5/ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang tại thành phố Hồ Chí Minh	1700556108-003	610 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước..

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 346 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 392 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ Chế độ Kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 do Bộ Tài Chính và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ban hành.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/4, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí bảo hiểm tài sản

Chi phí bảo hiểm tài sản phát sinh một lần cho nhiều kỳ kế toán có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 1 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 40 năm
Máy móc và thiết bị	02 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	01 - 03 năm
Tài sản cố định khác	04 - 05 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/4, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

- QSDĐ VP 1F Nguyễn Huỳnh Đức, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, RG: Giấy chứng nhận QSDĐ số AG214040 cấp ngày 04/12/2006 của thửa đất số 145, tờ bản đồ số 60, diện tích sử dụng 198,8 m2 với thời gian sử dụng lâu dài. Công ty đang sử dụng làm kho.
- Giá trị đất Số L4, Lô 01 Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang: Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA571338 cấp ngày 21/7/2015 của thửa đất Khu L4 - Lô 01, diện tích sử dụng 206,48 m2 với thời gian sử dụng lâu dài. Công ty đang sử dụng làm văn phòng.
- QSDĐ VP 14 Tự Do, 14 Tự Do, Thành Phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang: Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền SDD số 5301023493 cấp ngày 01/11/2004 của thửa đất số 146, tờ bản đồ số 60, diện tích sử dụng 55,07 m2 với thời gian sử dụng lâu dài. Công ty đang sử dụng làm kho.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác của Công ty là chi phí thiết kế tàu phà có giá trị lớn, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 15 năm.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Ưu đãi thuế

<u>Mô tả</u>	<u>Dự án</u>	<u>Thuế suất</u>
Dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng trong giai đoạn 2007 – 2012	Tàu Superdong I, II, III, IV, V, VI	Thuế suất 10% trong toàn bộ thời gian thực hiện dự án, và miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2008).
Dự án đầu tư mở rộng từ năm 2014 trở đi	Tàu Superdong VII, VIII, IX, X, XI, XII, Phà PI, PII	Miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế.
Các dự án đầu tư mới	Bus Bãi vòng Đông Dương, Tàu Côn đảo I, II, Bus Trần Đề - Sóc Trăng, Bến tàu Trần Đề, Tàu Phú Quý I, II	Thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/4, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của Báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty và đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty và đối tượng	Địa điểm	Quan hệ
Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Malaysia	Công ty cùng thành viên chủ chốt Thành viên chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/4, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt – VND	11.426.177	30.625.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	-	
- VND	7.926.064.373	9.520.857.931
- USD	179.879.328	9.950.659
Tiền đang chuyển – VND	74.533.348	24.385.000
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
	8.191.903.226	14.585.818.590

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	7.945,20	179.879.328

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	113.959.532.789	113.959.532.789	164.787.313.181	164.787.313.181
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	20.000.000.000	20.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
	133.959.532.789	133.959.532.789	178.787.313.181	178.787.313.181

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tiền gửi có kỳ hạn là khoản tiền gửi kỳ hạn từ 06 - 15 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 3,8%/năm đến 5,2%/năm.

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Trả trước cho bên liên quan		
Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd (*)	98.444.154.875	61.953.754.875
Trả trước cho người bán khác		
Các nhà cung cấp khác	328.526.403	1.221.436.727
	98.772.681.278	63.175.191.602

(*) Đây là khoản tiền ứng trước theo hợp đồng số KS/SUPERDONG/FASTRR/02/18 và Hợp đồng số KS/SUPERDONG/FASTRP/12/19 để thực hiện hợp đồng thiết kế, lắp đặt, hoàn thiện và chuyển giao hai phà cao tốc chở khách bằng hợp kim nhôm. Tại ngày 31/12/2021, phà của hợp đồng KS/SUPERDONG/FASTRR/02/18 đã hoàn thiện nhưng chưa bàn giao cho Công ty do chưa tìm được bến bãi neo đậu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/4, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Lãi tiền gửi dự thu	2.055.139.634	-	4.252.845.265	-
Phòng Tài chính – Kế hoạch Thành phố Hà Tiên (*)	23.556.439.671	-	22.898.859.671	-
Tạm ứng nhân viên	795.000.000	-	963.038.897	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	812.611.871	-	733.614.471	-
	27.219.191.176	-	28.848.358.304	-

(*) Đây là khoản phải thu hoàn lại tiền trúng thầu và các chi phí khác theo quy định của dự án Lô đất tại thửa số 18, khu phố 1, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên phát sinh trong tháng 12/2017 theo Văn bản số 215/UBND-TCKH ngày 08/07/2019 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Tiên. Tuy nhiên tới thời điểm hiện tại, chưa có thoả thuận cụ thể và chính thức về lãi suất cũng như thời điểm thanh toán. Giá trị đang ghi nhận tại ngày 31/12/2021 bao gồm số tiền hoàn trả trúng thầu lô đất là 21.350.000.000 VND và tiền đền bù ước tính là 2.206.439.671 VND.

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Ký quỹ, ký cược	805.000.000	-	815.000.000	-
Ban Quản lý Bến xe tàu Hà Tiên (*)	2.492.000.000	-	3.668.000.000	-
	3.297.000.000	-	4.483.000.000	-

(*) Đây là khoản ứng vốn không lãi suất cho Ban Quản lý Bến xe tàu Hà Tiên theo hợp đồng số 10/HĐ-BQLB ngày 17/03/2017 để đầu tư xây dựng Nhà điều hành – Sân nền – Cây xanh bến tàu Hà Tiên. Số tiền gốc thu hồi hàng năm theo hợp đồng là 1.176.000.000 VND.

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	27.961.938.369	-	27.987.563.583	-
Phụ tùng	21.221.650.688	-	21.629.182.206	-
Dầu DO	1.307.604.247	-	1.188.673.376	-
Nhiên liệu	484.325.827	-	467.546.874	-
Vật liệu	4.948.357.607	-	4.702.161.127	-
Hàng hoá	36.752.739	-	48.893.661	-
	27.998.691.108	-	28.036.457.244	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/4, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí bảo hiểm	785.418.424	936.697.655
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu	1.325.451.376	1.925.722.596
Chi phí khác	1.221.560.157	1.520.115.337
	3.332.429.957	4.382.535.588

5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ, dụng cụ	61.936.878	819.251.084
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu	3.750.272.445	7.124.299.090
Tiền thuê đất trả trước (*)	4.174.460.607	4.267.054.923
Chi phí khác	450.952.772	643.989.577
	8.437.622.702	12.854.594.674

- (*) Tiền thuê đất trả tiền một lần tại Ấp Đầu Giồng, Thị trấn Trần Đề, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng để thực hiện dự án Bến cảng Trần Đề - Sóc Trăng theo hợp đồng thuê đất số 05/HĐTĐ ngày 24 tháng 02 năm 2017 giữa công ty và Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng, diện tích thuê 36.691,3m² thời hạn thuê đất từ ngày 21 tháng 02 năm 2017 đến ngày 15 tháng 02 năm 2067.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIẾN GIANG

Số 10, Đường 30/4, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.7	Tình hình tăng/(giảm) tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá							
	Vào ngày 01/01/2021	52.270.972.706	1.135.157.802	741.773.551.944	960.035.527	393.398.023	796.533.116.002
	Tăng từ mua trong năm	-	115.000.000	-	-	-	115.000.000
	Tăng từ XDCB dở dang	15.431.787.091	-	-	-	-	15.431.787.091
	Vào ngày 31/12/2021	67.702.759.797	1.250.157.802	741.773.551.944	960.035.527	393.398.023	812.079.903.093
Giá trị hao mòn lũy kế							
	Vào ngày 01/01/2021	3.271.772.867	582.488.679	271.008.469.373	865.220.453	224.396.544	275.952.347.916
	Khấu hao trong năm	2.003.522.056	248.946.924	49.604.120.172	74.100.601	62.471.400	51.993.161.153
	Vào ngày 31/12/2021	5.275.294.923	831.435.603	320.612.589.545	939.321.054	286.867.944	327.945.509.069
Giá trị còn lại							
	Vào ngày 01/01/2021	48.999.199.839	552.669.123	470.765.082.571	94.815.074	169.001.479	520.580.768.086
	Vào ngày 31/12/2021	62.427.464.874	418.722.199	421.160.962.399	20.714.473	106.530.079	484.134.394.024
<i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</i>							
	Vào ngày 01/01/2021	-	-	10.660.462.116	575.391.345	116.748.857	11.352.602.318
	Vào ngày 31/12/2021	-	421.604.771	10.660.462.116	897.227.345	116.748.857	12.096.043.089

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/4, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.8 Tình hình hình tăng /(giảm) tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Tài sản vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Vào ngày 01/01/2021	7.126.349.000	1.799.075.390	949.108.191	9.874.532.581
Tại ngày 31/12/2021	7.126.349.000	1.799.075.390	949.108.191	9.874.532.581
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 01/01/2021	-	1.510.416.518	329.549.443	1.839.965.961
Khấu hao trong năm	-	191.498.888	65.575.392	257.074.280
Tại ngày 31/12/2021	-	1.701.915.406	395.124.835	2.097.040.241
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/01/2021	7.126.349.000	288.658.872	619.558.748	8.034.566.620
Tại ngày 31/12/2021	7.126.349.000	97.159.984	553.983.356	7.777.492.340

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Vào ngày 01/01/2021	-	816.995.390	90.909.091	907.904.481
Tại ngày 31/12/2021	-	1.533.995.390	176.108.191	1.710.103.581

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2021 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	31/12/2021 VND
Mua sắm tài sản cố định	513.100.000	-	-	513.100.000
Xây dựng cơ bản dở dang				
Công trình bến tàu Trần Đề – Sóc Trăng	12.952.946.545	2.553.328.091	(15.431.787.091)	74.487.545
Dự án nhà chờ Bến Đầm – Côn Đảo	397.891.168	-	-	397.891.168
	13.863.937.713	2.553.328.091	(15.431.787.091)	985.478.713

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả các bên liên quan		
KAIBUOK SHIPYARD (M) SDN.BHD	22.920.000	23.215.000
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	1.137.990.000	-
Công ty Cổ Phần Bê tông IBS	848.748.290	-
Công ty TNHH TK Kiến Trúc và XD Không Gian Xanh	332.000.000	847.900.000
DNTN Xăng dầu Phi Hải	367.800.000	591.600.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Biển Xanh	-	304.045.500
Các nhà cung cấp khác	884.748.351	1.033.760.089
	3.594.206.641	2.800.520.589

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/4, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.11 Thuế và các khoản phải nộp/(phải thu) nhà nước

	01/01/2021		Số phát sinh trong năm		31/12/2021	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.132.491.651	-	7.817.716.474	(8.936.613.069)	13.595.056	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	31.790.480	(31.790.480)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(3.507.194.652)	-	-	-	(3.507.194.652)
Thuế thu nhập cá nhân	65.652.950	-	2.121.342.262	(2.148.007.486)	38.987.726	-
Các loại thuế khác	5.790.642	-	231.783.339	(256.060.449)	-	(18.486.468)
Cộng	1.203.935.243	(3.507.194.652)	10.202.632.555	(11.372.471.484)	52.582.782	(3.525.681.120)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư các dự án, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cho dự án đầu tư mới và đầu tư mở rộng như sau:

<u>Mô tả</u>	<u>Dự án</u>	<u>Thuế suất</u>
Dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng trong giai đoạn 2007 – 2012	Tàu Superdong I, II, III, IV, V, VI	Thuế suất 10% trong toàn bộ thời gian thực hiện dự án, và miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2008).
Dự án đầu tư mở rộng từ năm 2014 trở đi	Tàu Superdong VII, VIII, IX, X, XI, XII, Phà PI, PII	Miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế.
Các dự án đầu tư mới	Bus Bãi vòng Đông Dương, Tàu Côn đảo I, II, Bus Trần Đề - Sóc Trăng, Bến tàu Trần Đề, Tàu Phú Quý I, II	Thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/4, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(38.539.402.593)	24.890.261.988
Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.884.262.817	16.538.454.617
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(29.655.139.776)	41.428.716.605
Trong đó:		
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp được hưởng ưu đãi	(37.768.067.732)	33.001.571.220
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông	8.112.927.956	8.427.145.385
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi (10% x 50%; 10%)	5%; 10%	5%; 10%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông (20%)	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	2.181.677.579
Trong đó:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế	-	496.248.502
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động không được hưởng ưu đãi	-	1.685.429.077
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	2.181.677.579

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Phải trả tiền cổ tức	12.318.524	11.119.150
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	106.173.595	1.247.142.815
Thù lao Hội đồng Quản trị	36.168.000	74.316.000
Phải trả ngắn hạn khác	382.502.663	481.996.415
	537.162.782	1.814.574.380

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIẾN GIANG
Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.13 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

5.13.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2020	633.317.350.000	11.469.923.636	6.825.309.715	2.000.000.000	258.220.961.896	911.833.545.247
Lãi trong năm	-	-	-	-	22.708.584.409	22.708.584.409
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(63.331.735.000)	(63.331.735.000)
Số dư tại ngày 31/12/2020	633.317.350.000	11.469.923.636	6.825.309.715	2.000.000.000	217.597.811.305	871.210.394.656
Số dư tại ngày 01/01/2021	633.317.350.000	11.469.923.636	6.825.309.715	2.000.000.000	217.597.811.305	871.210.394.656
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(38.539.402.593)	(38.539.402.593)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(31.665.867.500)	(31.665.867.500)
Số dư tại ngày 31/12/2021	633.317.350.000	11.469.923.636	6.825.309.715	2.000.000.000	147.392.541.212	801.005.124.563

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.13.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	Tỷ lệ %	01/01/2021 VND	Tỷ lệ %
Cổ đông là pháp nhân:				
- Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd.	22.658.120.000	3,58	21.658.120.000	3,42
Cổ đông là cá nhân:				
- Puan Kwong Siing	104.707.570.000	16,53	104.707.570.000	16,53
- Ting Chek Hua	59.356.640.000	9,37	75.781.640.000	11,97
- Bà Hà Nguyệt Nhi	50.401.660.000	7,96	50.401.660.000	7,96
Các pháp nhân và cá nhân khác	396.193.360.000	62,56	380.768.360.000	60,12
	633.317.350.000	100,00	633.317.350.000	100,00

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 27 tháng 10 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 633.317.350.000 VND đã được các thành viên góp đủ.

5.13.3 Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63.331.735	63.331.735
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.331.735	63.331.735
- Cổ phiếu thường	63.331.735	63.331.735
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.331.735	63.331.735
- Cổ phiếu thường	63.331.735	63.331.735
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

5.13.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2021 như sau:

- Chia cổ tức bằng tiền mặt (5% vốn điều lệ) cho cổ đông : VND
31.665.867.500

5.14 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**5.14.1 Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Từ 1 năm trở xuống	92.594.320	92.594.320
Trên 1 năm đến 5 năm	370.377.280	370.377.280
Trên 5 năm	3.711.489.007	3.804.083.323
	4.174.460.607	4.267.054.923

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tổng số tiền thuê 36.691,3 m² kho tại Ấp Đầu Giồng, Thị trấn Trần Đề, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng với giá thuê là 120.000 VND/m², 160.714 VND/m², 321.429 VND/m², 642.857 VND/m² đối với từng diện tích đất của các thửa đất số 102, 103 và 104. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 21 tháng 02 năm 2017 đến ngày 15 tháng 02 năm 2067 (50 năm).

Ngoài ra Công ty còn ký các hợp đồng thuê vị trí tại nhiều địa điểm để làm văn phòng, kho. Công ty phải trả tiền thuê định kỳ theo quy định của các hợp đồng thuê này.

5.14.2. Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
Dollar Mỹ (USD)	7.945,20	431,98

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	167.159.108.888	304.339.465.322
	167.159.108.888	304.339.465.322

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	179.548.185.160	237.977.545.996
	179.548.185.160	237.977.545.996

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.112.877.263	10.877.368.821
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	50.693	7.816.800
	8.112.927.956	10.885.185.621

6.4 Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	10.521.066.094	14.333.820.259
Chi phí công cụ, đồ dùng	32.229.970	343.560.672
Chi phí khấu hao tài sản cố định	327.871.464	327.871.464
Chi phí hoa hồng, chiết khấu	9.845.875.632	17.094.982.123
Chi phí bán hàng khác	4.593.783.274	6.254.365.688
	25.320.826.434	38.354.600.206

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIẾN GIANG

Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.061.437.753	8.028.474.188
Chi phí vật liệu quản lý	57.011.334	153.120.079
Chi phí khấu hao tài sản cố định	335.635.677	522.341.682
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.668.390.837	6.311.072.665
	10.122.475.601	15.015.008.614

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập từ việc khách huỷ vé	443.672.018	613.778.386
Tiền đền bù ứng mua đất thị xã Hà Tiên	-	659.381.589
Thu nhập khác	738.135.230	41.666.085
	1.181.807.248	1.314.826.060

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận/ lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(38.539.402.593)	22.708.584.409
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
• Trích quỹ khen thưởng	-	-
• Trích quỹ phúc lợi	-	-
• Trích lập quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(38.539.402.593)	22.708.584.409
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	63.331.735	63.331.735
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(609)	359

6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	60.738.780.766	92.677.767.885
Chi phí nhân công	53.440.357.942	70.335.380.499
Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.250.235.433	52.026.156.757
Chi phí khác	48.562.113.054	75.510.770.526
	214.991.487.195	290.550.075.667

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, đầu tư khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2021			
Phải trả người bán	3.594.206.641	-	3.594.206.641
Phải trả khác	430.989.187	-	430.989.187
	4.025.195.828	-	4.025.195.828
Ngày 01 tháng 01 năm 2021			
Phải trả người bán	2.800.520.589	-	2.800.520.589
Phải trả khác	567.431.565	-	567.431.565
	3.367.952.154	-	3.367.952.154

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	169.224.740	345.070.400	169.224.740	345.070.400
Các khoản phải thu khác	29.721.191.176	33.331.358.304	29.721.191.176	33.331.358.304
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	133.959.532.789	178.787.313.181	133.959.532.789	178.787.313.181
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.191.903.226	14.585.818.590	8.191.903.226	14.585.818.590
	172.041.851.931	227.049.560.475	172.041.851.931	227.049.560.475
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	3.594.206.641	2.800.520.589	3.594.206.641	2.800.520.589
Phải trả khác	430.989.187	567.431.565	430.989.187	567.431.565
	4.025.195.828	3.367.952.154	4.025.195.828	3.367.952.154

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác. Các cá nhân có liên quan với các thành viên chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các đối tượng liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc			
Bà Hà Nguyệt Nhi Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Mua dịch vụ (thuê văn phòng bán vé Hà Tiên)	82.500.000	125.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Phó Tổng Giám đốc	Thuê xe	30.000.000	45.000.000

Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công nợ phải thu/phải trả với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bà Hà Nguyệt Nhi	405.060.000	489.274.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	727.383.600	906.046.000
Ông Puan Kwong Siing	1.055.240.000	1.436.219.277
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	75.240.000	84.240.000
Bà La Xuân Đào	75.240.000	84.240.000
Ông Phan Hồng Phúc	200.640.000	224.640.000
Ông Tăng Siêu Tâm	75.240.000	84.240.000
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	839.512.000	1.084.716.000
Bà Bùi Thị Hồng Đào	663.242.308	809.850.000
	4.116.797.908	5.203.465.277

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<i>Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd</i>			
	Mua tàu, và phụ tùng thay thế	36.490.400.000	2.085.609.418

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<i>Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd</i>			
	Trả trước cho nhà cung cấp (Xem thuyết minh mục 5.3)	98.444.154.875	61.953.754.875
	Phải trả người bán (Xem thuyết minh mục 5.10)	22.920.000	23.215.000

8.2 Thông tin về bộ phận

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam (Kiên Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa – Vũng Tàu và Bình Thuận), hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là hoạt động vận tải hành khách và hàng hoá ven biển, do đó công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

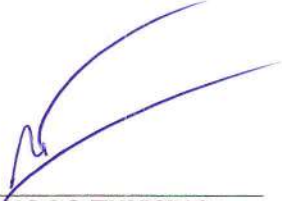
Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Phường Dương Đông, Thành Phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



LÂM THỊ NGỌC THƯƠNG
Người lập



BÙI THỊ HỒNG ĐÀO
Kế toán trưởng



NGUYỄN-THỊ KIM HỒNG
Phó Tổng Giám đốc
Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC
SUPERDONG KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 17/CVTP - 2022

Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: -ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

-SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CP TÀU CAO TỐC SUPERDONG KIÊN GIANG
- Người đại diện theo pháp luật: HÀ NGUYỆT NHI – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 10, đường 30/4, KP2, Phường Dương Đông, Tp. Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại: (02973) 980.111 Mã số thuế: 1700556108
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường biển

Căn cứ thông tư 96/2020/TT/BTC của bộ tài chính về công bố thông tin về việc giải trình đối với các trường hợp liên quan đến báo cáo tài chính bán niên năm 2021 như sau:

Công Ty Cổ Phần Tàu Cao Tốc Superdong Kiên Giang giải trình về báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021:

Chỉ tiêu Trên Báo Cáo Kết Quả Sản Xuất Kinh Doanh	Năm 2021	Năm 2020	Chênh Lệch	
			Tăng/ Giảm	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	167.159.108,888	304.339,465,322	(137,180,356,434)	-45,1%
2. Giá vốn hàng bán	179.548,185,160	237,977,545,996	(58,429,360,836)	-24,6%
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(12,389,076,272)	66,361,919,326	(78,750,995,598)	-118,7%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	8.112,927,956	10,885,185,621	(2,772,257,665)	-25,5%
5. Chi phí tài chính	1,649,612	34,121,633	(32,472,021)	-95,2%
6. Chi phí bán hàng	25,320,826,434	38,354,600,206	(13,033,773,772)	-34,0%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10,122,475,601	15,015,008,614	(4,892,533,013)	-32,6%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(39,721,099,963)	23,843,374,494	(63,564,474,457)	-266,6%
9. Thu nhập khác	1,181,807,248	1,314,826,060	(133,018,812)	-10,1%
10. Chi phí khác	109,878	267,938,566	(267,828,688)	-100,0%
11. Lợi nhuận khác	1,181,697,370	1,046,887,494	134,809,876	12,9%
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(38,539,402,593)	24,890,261,988	(63,429,664,581)	-254,8%
12. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	0	2,181,677,579	(2,181,677,579)	-100,0%
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(38,539,402,593)	22,708,584,409	(61,247,987,002)	-269,7%
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	(609)	359	(967)	-269,7%

- Lợi nhuận sau thuế của năm 2021 giảm 269.7% so với cùng kỳ chi tiết như sau:



- Doanh thu thuần năm 2021 giảm 45.1% so với cùng kỳ tương đương giảm ~ 137 tỷ đồng

Do một số nguyên nhân sau:

Dịch Covid – 19 bùng phát liên tục trong năm 2021, để tuân thủ các quy định về phòng chống dịch, công ty buộc phải tạm ngưng hoạt động theo từng thời điểm dịch, riêng tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo đã dừng từ tháng 5 năm 2020 và đến cuối năm 2021 vẫn chưa thể hoạt động trở lại.

- Chi phí giá vốn:

Giá vốn năm 2021 giảm 24.6% so với cùng kỳ do số lít dầu sử dụng năm 2021 giảm 42% nhưng giá dầu tăng 14% so với năm 2020.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng giảm so với năm 2020 do công ty điều chỉnh giảm lương, bảo hiểm và một số chi phí biến đổi giảm theo doanh thu như: hoa hồng bán hàng, chiết khấu cho đại lý.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Hà Nguyệt Nhi

